

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế và thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (DDCI) năm 2022

Căn cứ Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh V/v Phê duyệt và công bố xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) năm 2021 và Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) năm 2021 của Trung tâm xúc tiến đầu tư và Phát triển doanh nghiệp - Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành (DDCI) năm 2022, cụ thể như sau:

I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂM 2021; NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Kết quả và những tồn tại, hạn chế

Theo kết quả xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 14/15 sở, ban, ngành ở tỉnh, với tổng 44,68 điểm, tăng 0,65 điểm so với năm 2020 và giữ nguyên thứ bậc (năm 2020 đạt 44,03 điểm, xếp thứ 14), nằm trong nhóm trung bình¹, thấp hơn so với điểm trung vị là 11,69 điểm (điểm trung vị 56,37) và cao hơn điểm của đơn vị xếp cuối cùng là Sở Y tế 0,24 điểm (xếp thứ 15 là Sở Y tế 44,44 điểm).

Kết quả thực hiện cụ thể của các chỉ số thành phần như sau:

1.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

1.1.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 9 trong bảng xếp hạng, đạt 6,91 điểm, nằm trong nhóm khá và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 0,23 điểm; tăng 2,85 điểm và lên 5 bậc so với năm 2020 (năm 2020 đạt 4,06 điểm, xếp thứ 14).

Kết quả cho thấy Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Sở đã được cải thiện đáng kể (tăng 2,85 điểm và lên 5 bậc so với năm 2020). Điều đó chứng tỏ việc thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, cơ chế, chính sách, đề án và các văn bản pháp lý của ngành đã thực hiện tốt lên. Các doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh tìm hiểu và tiếp cận được các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, cơ chế, chính sách, đề án và các văn bản pháp lý được dễ dàng, công khai, minh bạch hơn.

¹ Trên 70 điểm thuộc nhóm tốt, từ 50-70 điểm thuộc nhóm khá và dưới 50 điểm thuộc nhóm trung bình.

1.1.2. Tồn tại, hạn chế

Cách thức niêm yết, công khai bằng giấy tại Trung tâm dịch vụ hành chính công của Sở và các đơn vị thuộc Sở còn chưa khoa học, rườm rà khiến cho người dân, doanh nghiệp khó khăn trong việc tìm kiếm, tiếp cận và thực hiện các TTHC.

1.2. Chi phí không chính thức

1.2.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 9 trong bảng xếp hạng, đạt 5,46 điểm, nằm trong nhóm khá và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 0,21 điểm; tăng 0,8 điểm và lên 3 bậc so với năm 2020 (*năm 2020 đạt 4,66 điểm, xếp thứ 12*).

Điều này chứng tỏ Chỉ số chi phí không chính thức của Sở cũng đã được cải thiện nhưng không đáng kể (*tăng 0,8 điểm và lên 3 bậc so với năm 2020*); kết quả phản ánh vẫn còn hiện tượng các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phải bỏ ra các khoản chi không chính thức ngoài quy định để chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức để giải quyết TTHC nhưng công việc không được đáp ứng như kỳ vọng.

1.2.2. Tồn tại, hạn chế

Vẫn còn hiện tượng Doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản chi phí ngoài quy định để trả cho cán bộ, công chức, viên chức để có thể thực hiện các công việc một cách dễ dàng hơn (*biếu tiền, tặng quà, mời tiệc chiêu đãi, lợi dụng hợp đồng, bồi dưỡng cho cán bộ,...*); hay doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí ngoài quy định nhưng kết quả hay “dịch vụ” đem lại không như mong đợi.

1.3. Chi phí thời gian

1.3.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 10 trong bảng xếp hạng, đạt 6,14 điểm, nằm trong nhóm khá và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 0,62 điểm; tăng 1,02 điểm và lên 2 bậc so với năm 2020 (*năm 2020 đạt 5,12 điểm, xếp thứ 12*).

Kết quả cho thấy Chỉ số chi phí thời gian của Sở cũng đã được cải thiện nhưng không đáng kể (*tăng 1,02 điểm và lên 2 bậc so với năm 2020*); Điều này chứng tỏ thời gian doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phải bỏ ra để thực hiện các TTHC đã được rút ngắn, cũng như thời gian mà doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phải tạm dừng kinh doanh để Sở thực hiện việc thanh tra, kiểm tra đã được cải thiện nhưng không đáng kể.

1.3.2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù các TTHC được giải quyết 100% trả trước hạn và đúng hạn, không có TTHC bị chậm thời gian. Tuy nhiên, qua kết quả cho thấy vẫn còn rất nhiều TTHC được gửi đến trước cho cán bộ xử lý để hoàn thiện mới đưa vào một cửa và tính thời gian, thời gian gửi đến trước cho cán bộ xử lý đó dài hay ngắn có phát sinh tiêu cực hay không thì không kiểm soát được và hoàn toàn phụ thuộc vào người cán bộ xử lý hồ sơ. Vì vậy, vẫn còn hiện tượng doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để giải quyết TTHC.

1.4. Cạnh tranh bình đẳng

1.4.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 15 (*cuối cùng*) trong bảng xếp hạng, đạt 2,75 điểm, nằm trong nhóm yếu kém và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 2,91 điểm; so với năm 2020 chưa có chuyển biến (tăng 0,14 điểm so với năm 2020) và vẫn xếp cuối cùng bảng xếp hạng (*năm 2020 đạt 2,61 điểm, xếp thứ 15*).

Điều này chứng tỏ môi trường cạnh tranh đối với các doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh khi thực hiện các TTHC, cơ chế chính sách, đề án, dự án do Sở thực hiện chưa được cải thiện, chưa bình đẳng. Hiện tượng ưu đãi cho các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh thân quen vẫn phổ biến, thể hiện dưới dạng các đặc quyền, ưu đãi khi tiếp cận với các thông tin, nguồn lực hỗ trợ của Sở,... và được ưu tiên trong thực hiện các TTHC và cơ chế chính sách, đề án, dự án.

1.4.2. Tồn tại, hạn chế

Hiện tượng doanh nghiệp, HTX thân hữu/sân sau vẫn còn phổ biến trong việc triển khai, thực hiện các cơ chế chính sách, đề án, dự án của Sở. Hiện tượng một doanh nghiệp, Hợp tác xã nhận được nhiều hỗ trợ từ Sở (*bao gồm từ một đơn vị và từ nhiều đơn vị thuộc Sở*) còn nhiều.

Việc triển khai, tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách, đề án, dự án của Sở còn nhiều hạn chế, chưa được phổ biến rộng rãi để nhiều doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh biết tham gia.

1.5. Hỗ trợ doanh nghiệp

1.5.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 9 trong bảng xếp hạng, đạt 4,08 điểm, nằm trong nhóm trung bình và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 0,14 điểm; vẫn giữ nguyên vị trí xếp thứ 9 trong bảng xếp hạng, nhưng giảm 1,01 điểm so với năm 2020 (*năm 2020 đạt 5,09 điểm, xếp thứ 9*).

Điều này chứng tỏ hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh của Sở không được cải thiện và có xu thế đi xuống (*giảm 1,01 điểm so với năm 2020*). Công tác hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh của Sở trong việc thực hiện các TTHC liên quan đến đầu tư, kinh doanh, thực thi các cơ chế chính sách, chương trình, đề án và các dịch vụ hỗ trợ khác dành cho doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh còn nhiều hạn chế.

1.5.2. Tồn tại, hạn chế

Các đề xuất, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh chưa được xem xét, giải quyết, tháo gỡ kịp thời, thấu đáo.

Các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh chưa dễ dàng tiếp cận được các chương trình, đề án, cơ chế chính sách hỗ trợ của Sở. Thông thường các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh chủ yếu tiếp cận được các chương trình, đề án, cơ chế chính sách hỗ trợ của Sở thông qua quen biết hoặc người thân (*phản ánh trong báo cáo DDCI của tỉnh năm 2020*).

1.6. Thiết chế pháp lý

1.6.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 14 trong bảng xếp hạng, đạt 3,72 điểm, nằm trong nhóm yếu kém và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 2,66 điểm; giảm 0,44 điểm và tụt 4 bậc trong bảng xếp hạng so với năm 2020 (*năm 2020 đạt 4,16 điểm, xếp thứ 10*).

Điều này chứng tỏ doanh nghiệp đánh giá việc quản lý nhà nước, hiệu quả của công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của Sở chưa cao, thể hiện thông qua: thiếu cơ chế phản ánh, kiến nghị, khiếu nại; thiếu kênh để phản ánh, kiến nghị, khiếu nại; hiệu quả của công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại chưa cao.

1.6.2. Tồn tại, hạn chế

Qua điểm số của Chỉ số thiết chế pháp lý thể hiện mức độ hài lòng của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh đối với Sở còn thấp, còn nhiều vướng mắc, khó khăn, bức xúc đối với các hoạt động của Sở. Tuy nhiên, tại mục hỏi đáp thắc mắc trên cổng thông tin điện tử của Sở và các kênh khác ít nhận được các ý kiến phản ánh, khiếu nại của doanh nghiệp, điều này chứng tỏ doanh nghiệp không tiếp cận được kênh phản ánh hoặc kỳ vọng không cao vào hiệu quả của việc phản ánh, kiến nghị.

1.7. Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của Sở

1.7.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 14 trong bảng xếp hạng, đạt 2,95 điểm, nằm trong nhóm yếu kém và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị rất lớn 4,32 điểm; tụt 7 bậc trong bảng xếp hạng và giảm 2,74 điểm so với năm 2020 (*năm 2020 đạt 5,69 điểm, xếp thứ 7*).

Kết quả cho thấy Chỉ số tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của Sở không được cải thiện mà còn đi xuống nghiêm trọng (*giảm 2,74 điểm và tụt 7 bậc trong bảng xếp hạng so với năm 2020*). Điều này chứng tỏ về năng lực, trình độ chuyên môn, việc xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa kịp thời, hiệu quả không cao.

1.7.2. Tồn tại, hạn chế

Các đơn vị, phòng ban của Sở chưa chủ động, tích cực nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trong phạm vi quyền hạn của mình; chưa sáng tạo, linh hoạt trong việc triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan; hiệu quả xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh thấp.

1.8. Vai trò người đứng đầu

1.8.1. Kết quả thực hiện

Sở Nông nghiệp và PTNT xếp thứ 15 (*cuối cùng*) trong bảng xếp hạng, đạt 3,15 điểm, nằm trong nhóm yếu kém và có điểm số thấp hơn so với điểm trung vị 2,77 điểm; giảm 0,76 điểm và tụt 01 bậc trong bảng xếp hạng so với năm 2020 (*năm 2020 đạt 3,91 điểm, xếp thứ 14*).

Kết quả trên cho thấy Chỉ số vai trò người đứng đầu của Sở không những được cải thiện mà còn tiếp tục tụt 01 xuống đứng cuối bảng xếp hạng (*giảm 0,76 điểm và tụt 01 bậc so với năm 2020*). Doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh đánh giá vai trò của người đứng đầu chưa thực sự được tốt, sự ủng hộ của doanh nghiệp đối với lãnh đạo Sở thấp.

1.8.2. Tồn tại, hạn chế

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị ít quan tâm đến nội dung nâng cao chỉ số DDCI của Sở; chưa quan tâm và chủ động trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân trong việc thực thi công vụ; chưa chủ động, tích cực nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh; chưa sáng tạo, linh hoạt trong việc triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; hiệu quả xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh thấp.

Chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc và giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công chức khi thi hành công vụ, đặc biệt là cán bộ, công chức giải quyết TTHC, tiếp xúc và làm việc với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh; còn để có cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có thái độ làm việc cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn khi giải quyết các TTHC, hướng dẫn, giải quyết các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Năm 2021, Sở Nông nghiệp & PTNT vẫn xếp thứ 14 trong bảng xếp hạng, có mức độ cải thiện điểm số (*dương 0,65 điểm*) nhưng không đáng kể; có 02 Chỉ số thành phần xếp thứ 15 (*Chỉ số cạnh tranh bình đẳng và Chỉ số vai trò người đứng đầu*) và có 02 chỉ số thành phần xếp thứ 14 (*Chỉ số thiết chế pháp lý và Chỉ số tính năng động, sáng tạo*). Đặc biệt năm 2021, có 04 Chỉ số thành phần giảm điểm, 03 Chỉ số giảm bậc so với năm 2020, đồng thời tất cả các Chỉ số thành phần đều có điểm số thấp hơn điểm trung vị (xếp thứ 8 về mức độ cải thiện điểm số).

Qua đó cho thấy các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở đã không thực hiện tốt Kế hoạch số 30/KH-SNN ngày 31/3/2021 của Sở về khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao Chỉ số cạnh tranh cấp Sở (DDCI) năm 2021 và các năm tiếp theo, do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

2.1. Nguyên nhân khách quan

Sở Nông nghiệp và PTNT là sở đa ngành, lĩnh vực hoạt động rộng, quản lý nhiều lĩnh vực có nhiều đối tượng, thành phần tham gia thực hiện TTHC và có mối liên hệ với Sở; các đối tượng này chủ yếu là các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp do vậy năng lực,

trình độ, nhận thức của các đối tượng này cũng có phần hạn chế, phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số DDCI của Sở.

Sở Nông nghiệp và PTNT có nhiều phòng, ban, đơn vị trực thuộc do vậy việc quản lý, đánh giá, xác định rõ đơn vị, cá nhân yếu kém trong việc nâng cao Chỉ số DDCI là khó khăn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thủ trưởng và cán bộ, công chức các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở chưa hiểu rõ và chưa thực sự quan tâm đến việc cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở (DDCI).

Phần lớn cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ đối với doanh nghiệp đều có tư duy “*cho phép*”, “*cấp phép*” không thực sự đồng hành, hỗ trợ và “*phục vụ*” doanh nghiệp.

Vẫn còn hiện tượng cán bộ, công chức những nhieu, gây khó khăn, tiêu cực trong khi thi hành công vụ.

II. KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NÂNG CAO CHỈ SỐ DDCI NĂM 2022

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Phân tích, đánh giá các chỉ số thành phần, làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; xây dựng kế hoạch chi tiết, đề ra mục tiêu và các giải pháp cụ thể để khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao Chỉ số DDCI năm 2022 và các năm tiếp theo.

Tạo động lực để chủ động, tích cực trong cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tạo thêm kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng đối với các Sở, ban, ngành. Từ đó, cải thiện chất lượng phục vụ dịch vụ hành chính công và nâng cao chất lượng hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng doanh nghiệp.

Phấn đấu cải thiện Chỉ số DDCI của Sở năm 2022 và những năm tiếp theo có Chỉ số DDCI nằm trong top từ 8- 10 trên bảng xếp hạng khối 15 sở, ban, ngành tỉnh (*điểm số tổng hợp chung từ 56 - 61 điểm*); tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

1.2. Yêu cầu:

Nhằm quán triệt tư tưởng, nhận thức để tạo sự chuyển biến mạnh trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp thân thiện, trách nhiệm.

Từng cá nhân, các phòng, ban, đơn vị HCSN trực thuộc, cần phát huy ý thức trách nhiệm trong việc triển khai, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả từng chỉ

tiêu đánh giá; không để xảy ra và xử lý nghiêm khắc hiện tượng những nhiễu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, công việc của cơ quan liên quan đến doanh nghiệp và người dân, bảo đảm doanh nghiệp và người dân không phải trả bất kỳ chi phí không chính thức nào.

Xác định rõ việc cải thiện chỉ số thành phần và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở và gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, rõ ràng, thiết thực và phù hợp với thực tiễn, sáng tạo, đổi mới, tạo ra những thay đổi nhằm nâng hạng điểm số các chỉ số thành phần DDCI năm 2021 và các năm tiếp theo; phân công rõ nhiệm vụ cho từng phòng, ban, đơn vị, từng bộ phận, cá nhân liên quan trong việc triển khai thực hiện.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Tiếp tục thực hiện việc công khai rộng rãi, bằng nhiều hình thức, như: gửi văn bản, đăng trên các Website của Sở và của các đơn vị thuộc Sở, đăng trên mạng xã hội (*Page facebook*) 100% các quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, các cơ chế chính sách, đề án hỗ trợ và các văn bản pháp lý mang tính chất công khai của Sở.

Rà soát công khai, niêm yết khoa học, ngắn gọn, dễ hiểu, bổ sung truy cập bằng mã QR Code đối với các TTHC, giúp người dân dễ dàng tìm kiếm và thực hiện.

2.2. Chi phí không chính thức

Các TTHC, các cơ chế chính sách, đề án hỗ trợ cần được công khai minh bạch, dễ tiếp cận, khoa học, dễ hiểu để người dân dễ dàng tiếp cận, dễ thực hiện, tránh tiêu cực.

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao ý thức, kỷ luật, kỷ cương đối với đội ngũ cán bộ, công chức giải quyết TTHC; xử lý nghiêm và thực hiện luân chuyển các cán bộ, công chức có thái độ, hành vi gây khó khăn, sách nhiễu, tiêu cực khi thực hiện giải quyết TTHC.

2.3. Chi phí thời gian

Tiếp tục xem xét, cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh và nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra để tránh gây cản trở đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

Rà soát cắt giảm tối đa thời gian giải quyết TTHC và hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các hồ sơ, TTHC để người dân, doanh nghiệp chủ động thực hiện được, chấm dứt tình trạng trực tiếp nhận hồ sơ xử lý và hoàn thiện trước khi đưa vào nộp tại một cửa.

2.4. Cạnh tranh bình đẳng

Công khai, rộng rãi, minh bạch các cơ chế chính sách, đề án, dự án hỗ trợ, các gói thầu thuộc Sở làm chủ đầu tư (*bao gồm các đơn vị thuộc Sở*) trên trang

Website và Page facebook của Sở từ kế hoạch cho đến triển khai thực hiện (*đối với các gói thầu công khai từ thư mời chào giá, đến kế hoạch đấu thầu, ...*).

Việc lựa chọn doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh tham gia thực hiện các cơ chế chính sách, đề án, dự án phải đảm bảo khách quan, công bằng, đúng đối tượng, không ưu ái, phân biệt đối với các đối tượng tham gia.

2.5. Hỗ trợ doanh nghiệp

Lãnh đạo Sở tăng cường đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, HTX, người dân; tổ chức các hội nghị đối thoại để tháo gỡ, giải quyết kịp thời, dứt điểm các tồn đọng, khó khăn, vướng mắc, bức xúc của các doanh nghiệp, HTX, người dân trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chương trình, đề án, cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của liên ngành, của Sở đến với các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh bằng nhiều hình thức (*gửi văn bản, Website, Page facebook*) để dễ dàng tiếp cận, thực hiện.

Khi có đề xuất, kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh, các phòng, ban, đơn vị được giao nhiệm vụ cần khẩn trương nghiên cứu, xem xét, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời thấu đáo trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, đối với những nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị khác thì được phép kéo dài hơn, nhưng không quá 10 ngày làm việc.

Gửi phiếu khảo sát, phản ánh tới từng tổ chức, cá nhân có TTHC tại Sở trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến thời điểm khảo sát, dự kiến là khoảng tháng 7/2022 (*phiếu khảo sát, phản ánh kèm theo phong bì có dán tem sẵn, đảm bảo bảo mật thông tin, ...*).

2.6. Thiết chế pháp lý

Công khai rộng rãi đường dây nóng của Sở, đa dạng các kênh để doanh nghiệp, HTX, người dân phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (*Zalo, Page Facebook, gửi phiếu phản ánh cho các đối tượng có liên hệ công tác và có TTHC tại Sở,...*) và nâng cao hiệu quả công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.

Tăng cường đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Sở và các doanh nghiệp, HTX, cá nhân có TTHC và tham gia các chương trình, đề án, cơ chế chính sách của Sở, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

2.7. Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động

Tăng cường đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh, chủ động nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trong phạm vi quyền hạn của mình (*thấy doanh nghiệp có vướng mắc, khó khăn đã chủ động tháo gỡ, không chờ doanh nghiệp kiến nghị, phản ánh*). Thành lập tổ hỗ trợ doanh nghiệp tình nguyện sẵn sàng tư vấn, giúp các doanh nghiệp, người dân thực hiện các TTHC.

Cán bộ, công chức giải quyết TTHC, tiếp xúc và làm việc với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phải tích cực nghiên cứu, học tập, tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nắm chắc các chế độ, chính sách của Trung ương, của Tỉnh để vận dụng giải quyết các TTHC, chế độ chính sách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh một cách thấu đáo, linh hoạt, sáng tạo, đúng quy định; có thái độ làm việc chuyên nghiệp, không những nhieu, tiêu cực, gây khó khăn yêu cầu doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh phải chi trả các khoản chi phí ngoài quy định.

2.8. Vai trò người đứng đầu sở, ban, ngành

Đề cao vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trong việc nâng cao chỉ số DDCI; quan tâm và chủ động trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân, kịp thời tháo gỡ và giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý.

Tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công chức phải có thái độ phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp, Hợp tác xã và người dân trong khi thực thi hành công vụ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; Định kỳ trước ngày 5/6 và trước ngày 5/12 báo cáo kết quả thực hiện về Sở để tổng hợp báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh theo quy định.

2. Giao Phòng Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức thực hiện Kế hoạch này của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch này đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở chủ động đề xuất với Giám đốc Sở (*thông qua phòng Kế hoạch - Tài chính*) xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao Chỉ số DDCI năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các đơn vị HCSN trực thuộc Sở;
- Các Phòng, ban, thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Dương Thanh Tùng

BẢNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ DDCI NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-SNN ngày/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	SẢN PHẨM	GHI CHÚ
1	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá các TTHC, đẩy mạnh giải quyết và trả giải kết quả TTHC qua mạng, qua dịch vụ bưu chính công ích	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Tháng 4	Các TTHC được cắt giảm, đơn giản hoá	
2	Lãnh đạo Sở tăng cường đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, HTX, cá nhân; tổ chức các hội nghị đối thoại để tháo gỡ, giải quyết kịp thời, dứt điểm các tồn đọng, khó khăn, vướng mắc, bức xúc của các doanh nghiệp, HTX, người dân trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành	Phòng KHTC	Văn phòng, Thanh tra Sở	Hàng tháng	Các cuộc họp và ý kiến phản ánh của DN qua phiếu, điện thoại, Zalo,...	
3	Giải quyết tại chỗ tất cả các TTHC đơn giản, không có điều kiện và 100% các TTHC được giải quyết trước hạn	Các Chi cục trực thuộc có TTHC	Văn phòng Sở	Tháng 4	Kết quả giải quyết các TTHC đơn giản, không có điều kiện được giải quyết tại chỗ; 100% TTHC được giải quyết trước hạn	
4	Rà soát, niêm yết gắn gọn, khoa học 100% các TTHC tại một cửa, Website, bổ sung mã QR Code để truy cứu và Quyết định giao rõ người giải quyết TTHC	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Tháng 4	100% TTHC có mã QR Code; Quyết định phân công	

5	Các phòng, ban, đơn vị tổ chức quán triệt, triển khai Kế hoạch số 30/KH-SNN ngày 31/3/2021 của Sở; Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và thực hiện nâng cao chỉ số DDCI năm 2022 của Sở	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Phòng KHTC	Tháng 4	Báo cáo	
6	Công khai các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, định hướng phát triển, các cơ chế chính sách, đề án hỗ trợ, các gói thầu và các văn bản pháp lý mang tính chất công khai của Sở lên Website, Page facebook và thiết lập kênh tiếp nhận các thông tin tương tác, phản hồi, kiến nghị, khiếu nại trên trang Page facebook	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	100% các văn bản mang tính chất công khai được đưa lên Website, Page facebook	
7	Ban hành và bổ sung hướng dẫn các cơ chế, chính sách, đề án hỗ trợ sản xuất đảm bảo kịp thời, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu nhưng đúng chế độ	Phòng KHTC	Các phòng, chi cục trực thuộc	Thường xuyên	Văn bản hướng dẫn	
8	Gửi phiếu khảo sát đến các tổ chức, cá nhân có thực hiện TTHC và có liên hệ công tác với Sở trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến thời điểm khảo sát (<i>phiếu khảo sát, phản ánh kèm theo phòng bì có dán tem sẵn, đảm bảo bảo mật thông tin, ...</i>).	Văn phòng Sở	Phòng KHTC	Hàng tháng	100% các tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC và liên hệ công tác từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022 được khảo sát	
9	Tiếp tục xem xét, cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh và giảm thiểu thời gian, nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra để tránh gây cản trở đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.	Thanh tra Sở và các chi cục trực thuộc		Thường xuyên	Cắt giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra và thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra	

10	Hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các hồ sơ, TTHC để người dân, doanh nghiệp chủ động thực hiện được, chấm dứt tình trạng trực tiếp nhận hồ sơ xử lý và hoàn thiện trước khi đưa vào nộp tại một cửa.	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Thành lập tổ hỗ trợ doanh nghiệp
11	Việc lựa chọn doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh tham gia thực hiện các cơ chế chính sách, đề án, dự án phải đảm bảo khách quan, công bằng, đúng đối tượng, không ưu ái, phân biệt đối với các đối tượng tham gia.	Phòng KHTC và các chi cục trực thuộc	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Quyết định lựa chọn đơn vị, cá nhân tham gia công bằng, đúng đối tượng
12	Các phòng, ban, đơn vị rà soát lại toàn bộ các nội dung và giải quyết dứt điểm những tồn tại, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX, cá nhân còn tồn đọng đến nay	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Văn phòng Sở	Tháng 4	Văn bản trả lời
13	Khi có đề xuất, kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh, các phòng, ban, đơn vị được giao nhiệm vụ cần khẩn trương nghiên cứu, xem xét, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời thấu đáo trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, đối với những nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị khác thì được phép kéo dài hơn, nhưng không quá 10 ngày làm việc	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Văn bản trả lời
14	Công khai rộng rãi đường dây nóng của Sở, Giám đốc Sở để tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp, HTX, người dân (<i>Bổ sung số ĐT, Zalo của Giám đốc Sở vào các giấy tờ giải quyết TTHC của Sở</i>).	Văn phòng Sở	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Tháng 4	Thông báo

15	Nêu cao tinh thần, trách nhiệm của Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trong việc nâng cao Chỉ số DDCI; thường xuyên chủ động nắm bắt và tháo gỡ kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX, người dân. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm khi để xảy ra tồn đọng, vướng mắc kéo dài và tiêu cực trong phạm vi quản lý.	Các phòng, chi cục trực thuộc có thủ tục hành chính	Văn phòng Sở, Phòng TCCB	Thường xuyên		
16	Triển khai kịp thời và nâng cao hiệu quả triển khai các chủ trương, chính sách của nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý.	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Văn bản tham mưu triển khai, hướng dẫn	
17	Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và nâng cao ý thức, kỷ luật, kỷ cương, thái độ phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp, Hợp tác xã và người dân trong khi thực thi hành công vụ; xử lý nghiêm và thực hiện luân chuyển các cán bộ, công chức có thái độ, hành vi gây khó khăn, sách nhiễu, tiêu cực khi thực hiện giải quyết TTHC.	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Văn phòng Sở, Phòng TCCB	Thường xuyên		
18	Đưa nhiệm vụ cải thiện, nâng cao chỉ số DDCI vào tiêu chí để bình xét thi đua, khen thưởng, xếp loại cán bộ, công chức hằng năm và xem xét quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	Phòng TCCB	Hàng năm		